

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT, TP HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2020/HS -ST
Ngày: 26 - 10 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đặng Thị Bích Loan**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Nguyễn Thu Hương**

Ông **Lê Văn Hải**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Anh Dũng**- Thư ký Toà án nhân dân huyện PT
Thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:*
Ông **Nguyễn Công Hòa** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, Thành phố Hà
Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 70/2020/HS - ST ngày 09 tháng 10 năm 2020
đối với bị cáo:

Lũ Thị L(*tên gọi khác H*), sinh năm 1999; Nơi cư trú: Bản Na Phát A, xã Na Son,
huyện ĐBĐ, tỉnh DB; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề
nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa lớp 9/12; con ông Lò Văn C và bà Lò Thị N;
Chồng con chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 23/12/2018 đến ngày 31/12/2018 được áp dụng biện
pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Do bị cáo bỏ trốn, cơ quan điều tra ra lệnh truy
nã. Sau đó bị cáo tự nguyện ra đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/7/2020 đến nay.
Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 1 Công an Thành phố Hà Nội; có mặt tại
phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Văn Hà, Luật sư thuộc Văn phòng luật
sư Hà Lan và Cộng sự, đoàn luật sư Thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Đỗ Sỹ Á, sinh năm 1998; Địa chỉ: Cụm 5 (nay là thôn 5) xã LH, huyện PT
Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

+ Anh Phạm Giang N, sinh năm 1989; Địa chỉ: Cụm 5, xã ĐP, huyện ĐP, Thành
phố Hà Nội; vắng mặt.

+ Chị Lò Thị S (*tên gọi khác T*), sinh năm 1999; Địa chỉ: Xã Na Son, huyện ĐBĐ,
tỉnh DB; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đêm ngày 22/12/2018, Công an huyện PT phối hợp với Công an thị trấn PT, kiểm tra hành chính nhà nghỉ Hoa Ban Trắng tại địa chỉ cụm 1 (nay là tổ dân phố số 1), thị trấn PT, huyện PT. Chủ quản lý cơ sở kinh doanh là ông Hoàng Mạnh T, sinh năm 1965, trú tại Cụm 5 (nay là thôn 5), xã PT, huyện PT. Quá trình kiểm tra, phát hiện bắt quả tang 02 đôi nam nữ đang mua bán dâm tại phòng nghỉ gần biển số 502 + 503 trên tầng 5 của nhà nghỉ.

Tại phòng số 502: Có Đỗ Sỹ Á, sinh năm 1998, ở Cụm 5 (nay là thôn 5), xã LH, PT (là người mua dâm) và Lò Thị L (tức H), sinh năm 1999, ở xã Na Son, huyện ĐBĐ, tỉnh DB (người bán dâm).

Tại phòng số 503: Có Phạm Giang N, sinh năm 1989, ở Cụm 5, xã ĐP, huyện ĐP (là người mua dâm) và Lò Thị S (tức T), sinh năm 1999 ở xã Na Son, huyện ĐBĐ, tỉnh DB (người bán dâm).

Vật chứng thu giữ gồm:

+ Thu tại phòng 502: 01(một) bao cao su đã qua sử dụng, 01 vỏ bao cao su màu xanh đã bị xé rách trên vỏ có in chữ Luxury Number one; Thu trong túi xách của Lò Thị L (tức H) số tiền 4.500.000đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus màu ghi đen; Thu của Đỗ Sỹ Á 01điện thoại di động NOKIA 1280.

Thu tại phòng 503: 01 bao cao su đã qua sử dụng, 01 vỏ bao cao su màu xanh đã bị xé rách trên vỏ có in chữ Luxury Number one; Thu của Lò Thị S số tiền 500.000đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus màu trắng; Thu của Phạm Giang N 1.200.000đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1280.

Quá trình điều tra xác định: Đỗ Sỹ Á và Lò Thị L có quen biết nhau từ trước, chiều ngày 22/12/2018, Á mượn điện thoại di động của Phạm Giang N liên lạc với L trao đổi việc mua bán dâm và hẹn tối cùng ngày mua bán dâm tại huyện PT, Thành phố Hà Nội. Lúc đó, Phạm Giang N đang đứng gần đó nghe được nội dung trao đổi, nên khi Á trả điện thoại thì N liền gọi lại cho Lò Thị L nhờ tìm thêm người đến bán dâm. Sau đó, L rủ bạn là Lò Thị S (tức T) cùng đi bán dâm. Tối ngày 22/12/2018, L và S thuê xe taxi đi từ trung tâm Hà Nội đi đón Phạm Giang N ở huyện ĐP, rồi cùng đi đến huyện PT gặp Đỗ Sỹ Á tại nhà nghỉ Hoa Ban Trắng. Lò Thị L thuê hai phòng nghỉ là phòng 502 và phòng 503. Khi vào phòng 502, Á hỏi giá mua dâm thì S (tức T) đưa 02 ngón tay ra tín hiệu, có ý nói là hai triệu đồng. N và Á đồng ý, N đưa cho L 2.000.000đồng, Á đưa cho S 3.000.000đồng. Sau đó, N và L ở lại phòng 502, Á và S sang phòng 503 quan hệ tình dục. Do S không đồng ý cho Á quan hệ tình dục qua đêm, nên Á đổi sang phòng 502 để quan hệ tình dục với L, còn N đổi sang phòng 503 để quan hệ tình dục với S.

Đến khoảng 00 giờ 10 phút ngày 23/12/2018, khi 02 đôi nam nữ đang quan hệ tình dục với nhau tại 02 phòng khác nhau, thì bị Công an huyện PT bắt quả tang và thu giữ vật chứng.

Sau khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can, cơ quan điều tra đã cho Lò Thị L tại ngoại về địa phương và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Do nhiều lần triệu tập Lò Thị L không có mặt, cơ quan điều tra tiến hành xác minh thấy Lò Thị L không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu làm gì, nên ngày 11/4/2019 cơ quan điều tra ra lệnh truy nã. Đến ngày 25/7/2020, Lò Thị L đã tự nguyện đến Công an phường Ngô Quyền, thị xã Sơn Tây đầu thú. Sau khi tiếp nhận đối tượng ra đầu thú Công an phường Ngô Quyền, thị xã Sơn Tây đã bàn giao cho cơ quan điều tra Công an huyện PT giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với Đỗ Sỹ Á và Phạm Giang N là người mua dâm và Lò Thị S là gái bán dâm, cơ quan Công an huyện PT đã ra quyết định xử phạt hành chính về hành vi mua bán dâm là đúng quy định pháp luật.

Đối với ông Hoàng Mạnh T, là chủ quản lý nhà nghỉ Hoa Ban Trắng; Quá trình điều tra xác định, trước khi cho Lò Thị L, Đỗ Sỹ Á, Phạm Giang N và Lò Thị S thuê phòng nghỉ, ông T hoàn toàn không biết mục đích thuê phòng nghỉ để thực hiện hoạt động mua bán dâm. Do đó, cơ quan điều tra chỉ nhắc nhở, giáo dục để phòng ngừa chung.

Bản cáo trạng số 71/CT- VKS ngày 07 tháng 10 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội truy tố Lò Thị L về tội “Môi giới mại dâm” theo khoản 1 Điều 328 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Lò Thị L đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi Môi giới mại dâm mà bị cáo đã thực hiện. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội, tại phiên tòa trình bày luận tội giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng đã truy tố bị cáo Lò Thị L về tội “Môi giới mại dâm” và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 328, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Thị L từ 12 đến 15 tháng tù. Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy vật chứng gồm: 02 bao cao su đã qua sử dụng; 02 vỏ bao cao su màu xanh đã bị xé rách, trên vỏ có in chữ Luxury NumberOne. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và 01 điện thoại nhãn hiệu Apple Iphone 6 Plus màu ghi đen, bên trong có 01 thẻ sim; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 1280, bên trong có 01 thẻ sim; 01 điện thoại nhãn hiệu Apple Iphone 6 Plus màu trắng, bên trong có 01 thẻ sim; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 1280, bên trong có 01 thẻ sim. Trả lại cho Phạm Giang N số tiền 1.200.000đ.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Luật sư bào chữa cho bị cáo Lò Thị L trình bày: Viện kiểm sát truy tố bị cáo Lò Thị L về tội Môi giới mại dâm theo khoản 1 Điều 328 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng pháp luật. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là quá cao, vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Mặt khác, bị cáo là người dân tộc Thái đen thuộc vùng miền kinh tế khó

khẩn, bản thân bị cáo nhận thức pháp luật thấp. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để tạo điều kiện cho bị cáo sớm được trở về gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện PT Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện PT Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lò Thị L không có ý kiến và không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo và lời khai của những người có liên quan tại Cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng đã thu giữ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Đêm ngày 22/12/2018 và rạng sáng ngày 23/12/2018, Lò Thị L đã có hành vi làm trung gian dẫn dắt cho Lò Thị S và Phạm Giang N thực hiện việc mua bán dâm với nhau tại phòng nghỉ số 503 tầng 5 nhà nghỉ Hoa Ban Trắng tại địa chỉ Cụm 1 (nay là tổ dân phố số 1), thị trấn PT, huyện PT Thành phố Hà Nội do ông Hoàng Mạnh T là chủ quản lý. Bản thân Lò Thị L cũng thực hiện hành vi bán dâm cho Đỗ Sỹ Á tại nhà nghỉ này để thu lời bất chính. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Môi giới mại dâm, theo quy định định tại khoản 1, Điều 328 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi lẽ mại dâm là tệ nạn xã hội, trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục và nếp sống văn minh, làm ảnh hưởng đến nhân cách, sức khỏe con người và ảnh hưởng đến hạnh phúc của nhiều gia đình. Mặt khác, hành vi của bị cáo còn gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo cũng nhận thức được tệ nạn mại dâm là một trong những nguyên nhân làm lây truyền các bệnh xã hội, Do đó, Nhà nước và nhân dân đang ra sức tuyên truyền và đề ra các biện pháp để phòng chống tệ nạn này, nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Sau khi phạm tội, bị cáo được Cơ quan điều tra áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, nhưng bị cáo đã không thực hiện việc cam kết, đã bỏ trốn khi cơ quan điều tra triệu tập, đã gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, buộc bị cáo cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét

xử cũng xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi có quyết định truy nã bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Mặt khác, xét bị cáo là người dân tộc Thái thuộc vùng miền có điều kiện kinh tế khó khăn, bản thân bị cáo nhận thức pháp luật hạn chế nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến bào chữa của Luật sư để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không có khả năng và điều kiện về kinh tế để thi hành án, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo quy định tại khoản 4 Điều 328 của Bộ luật hình sự.

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ 02 bao cao su đã qua sử dụng; 02 vỏ bao cao su màu xanh đã bị xé rách, trên vỏ có in chữ Luxury NumberOne. Xét đây là vật chứng liên quan đến quan đến việc mua bán dâm nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Apple Iphone 6 Plus màu ghi đen, bên trong có 01 thẻ sim thu giữ của Lò Thị L; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 1280, bên trong có 01 thẻ sim thu giữ của Đỗ Sỹ Á; 01 điện thoại nhãn hiệu Apple Iphone 6 Plus màu trắng, bên trong có 01 thẻ sim thu giữ của Lò Thị S; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 1280, bên trong có 01 thẻ sim thu giữ của Phạm Giang N. Xét thấy, những chiếc điện thoại này có liên quan đến hành vi phạm tội của Lò Thị L nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 4.500.000đ thu giữ của Lò Thị L và 500.000đ thu giữ của Lò Thị S. Quá trình điều tra xác định số tiền này do Đỗ Sỹ Á và Phạm Giang N trả tiền mua dâm cho Lò Thị L và Lò Thị S trong việc môi giới bán dâm, nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 1.200.000đ thu giữ của Phạm Giang N. Quá trình điều tra xác định là tài sản cá nhân của Phạm Giang N nên trả lại cho N.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 328, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Lò Thị L 09** (*Chín*) tháng tù, về tội “Môi giới mại dâm”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 25/07/2020. Bị cáo được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 23/12/2018 đến 31/12/2018.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 02 bao cao su đã qua sử dụng; 02 vỏ bao cao su màu xanh đã bị xé rách, trên vỏ có in chữ Luxury NumberOne. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) và 01 điện thoại nhãn hiệu Apple Iphone 6 Plus màu ghi đen, bên trong có 01 thẻ sim; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 1280, bên trong có 01 thẻ sim; 01 điện thoại nhãn hiệu Apple Iphone 6 Plus màu trắng, bên trong có 01 thẻ sim; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 1280, bên trong có 01 thẻ sim. Trả lại cho Phạm Giang N số tiền 1.200.000đ (*Vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/10/2020 giữa Công an huyện PT và Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, Thành phố Hà Nội. Số tiền được nộp vào tài khoản theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 23/10/2020 của Kho bạc Nhà nước huyện PT, Thành phố Hà Nội*).

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Lò Thị L phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn*) án phí hình sự sơ thẩm.

Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Quyền kháng cáo của bị cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân

- TAND thành phố Hà Nội;
- CA, VKSND huyện Phúc Thọ;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Bích Loan

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhân

- TAND thành phố Hà Nội;
- CA, VKSND huyện Phúc Thọ;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Đặng Thị Bích Loan

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhân

- TAND thành phố Hà Nội;
- CA, VKSND huyện Phúc Thọ;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Về nguồn gốc số vật chứng (pháo) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

Nguồn gốc pháo (thu giữ của Huy) Huy khai nhận mua của một người đàn ông không quen biết ở Thị trấn Phúc Thọ, huyện PT Thành phố Hà Nội, do bị cáo không biết về nhân thân lai lịch của người này nên cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra làm rõ.

Đối với đối tượng tên Tuấn ở xã Phụng Thượng, huyện PT Thành phố Hà Nội, là người Bùi Quang Huy khai đã cho bị cáo vay tiền và cùng đi mua pháo với bị cáo. Cơ

quan điều tra đã xác minh tại Công an xã Phụng Thượng, tuy nhiên không xác định được đối tượng trên là ai. Tiến hành thu giữ thư tín, điện tín liên quan đến số thuê bao 0397989470 (Huy khai nhận là số thuê bao của Tuấn liên lạc với Huy ngày 20/12/2019 để việc trao đổi mua pháo). Ngày 12/2/2020 Tập đoàn viễn thông công nghiệp quân đội Viettel có ra công văn số 230/CNVTQĐ-TTKT về việc phúc đáp lệnh thu giữ thư tín điện tín số của cơ quan điều tra. Theo đó thuê bao số 0397989470 do anh Khương Văn Đô, sinh năm 1990, trú tại Nghĩa Châu - Nghĩa Hưng - Nam Định làm chủ, đăng ký theo số căn cước công dân là 036098010558. Cơ quan CSĐT đã tiến hành làm việc với anh Đô thì được biết bản thân anh Đô có làm thẻ căn cước công dân số 036098010558 vào năm 2015, tuy nhiên đã bị mất vào cuối năm 2015 do đi xe buýt bị rơi. Từ trước đến nay anh Đô không dùng số thuê bao 0397989470. Anh Đô cũng khai nhận bản thân không quen biết ai tên Tuấn ở khu vực xã Phụng Thượng, huyện PT Thành phố Hà Nội. Do đó không đủ cơ sở để xác định nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đến.

*** Về vật chứng:**

- 01 (một) túi niêm phong dán kín kích thước khoảng 40x30x10cm, bên ngoài có chữ ký của Bùi Quang Huy, chữ ký của cán bộ Công an huyện Phúc Thọ và chữ ký của giám định viên Phòng PC09, bên trong gồm: 04 (bốn) khối hình hộp vuông kích thước 15x15x15cm dán giấy đỏ, có ghi chữ nước ngoài mỗi khối có 36 ống trụ tròn bên ngoài bọc giấy màu đỏ vàng, trên nền có in chữ nước ngoài và 49 (bốn chín) quả có thân hình cầu, đường kính 4cm, được gắn thêm một đoạn hình trụ dài khoảng 3cm, đường kính 2cm. Trên thân bọc một lớp giấy màu vàng in chữ nước ngoài và đều được gắn dây dẫn màu xanh;

- 01 (một) bao tải trắng kích thước 50x90cm và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu BONTEL đã qua sử dụng.

